

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Cao Thị Sáng.

+ Bà Phạm Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2017/TLST-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị V (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Huỳnh Văn Bé H (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị V trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn Bé H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc và sinh được 02 người con tên Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Mỹ X, sinh năm 2004, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không giải quyết được, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn Bé H.

Về quan hệ con chung: Con chung tên Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1998 đã thành niên. Giao con chung Huỳnh Thị Mỹ X, sinh năm 2004 cho ông Huỳnh Văn Bé H nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 03 tháng 8 năm 2017 và quá trình tố tụng, bị đơn Huỳnh Văn Bé H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị V chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông thống nhất yêu cầu của bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông và bà Nguyễn Thị V là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Con chung tên Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1998 đã thành niên. Ông Huỳnh Văn Bé H đồng ý nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Mỹ X, sinh năm 2004, bà Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị V cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản khai của nguyên đơn ngày 20/7/2017; Giấy khai sinh của con chung; Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị V; sổ hộ khẩu thường trú của Nguyễn Thị V; Văn bản xác nhận của chính quyền về mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con chung. Ông Huỳnh Văn Bé H giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 03/8/2017, Bản khai của con chung Huỳnh Thị Mỹ X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H tự nguyện chung sống với nhau năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hai bên nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa hai bên là quan hệ vợ chồng.

Quan hệ sống chung như vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H xác lập từ năm 1996, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, sau khi Luật hôn nhân và gia đình số 22/2000/QH10 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội có hiệu lực thi hành cho đến nay, dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy quan hệ sống chung

của hai bên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H là vợ chồng.

[2]. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 14/8/1998 và Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 06/5/2004. Con chung Huỳnh Thị Mỹ T hiện đã thành niên, có khả năng lao động, căn cứ Điều 15, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với con chung tên Huỳnh Thị Mỹ X, bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H thống nhất giao cho ông Huỳnh Văn Bé H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của con chung, phù hợp Điều 15, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H là quan hệ vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung:

- Con chung Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 14/8/1998 đã thành niên.

- Giao con chung Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 06/5/2004 cho ông Huỳnh Văn Bé H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng mà bà V đã nộp theo biên lai thu số 0000980 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy bà V nộp xong án phí.

5. Bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn Bé H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TXCL;
- THADS TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)
Nguyễn Lê Huy